|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **t** | **PHỤ LỤC IV** |  |
| **CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG CẤP GCNKNCM THUYỀN TRƯỞNG HẠNG TƯ** *(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BGTVT ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)* | **CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG CẤP GCNKNCM THUYỀN TRƯỞNG HẠNG TƯ** *(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày ….tháng ….. năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)* |  |
| **CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG CẤP GCNKNCM**  **THUYỀN TRƯỞNG HẠNG TƯ** |  | Bỏ do trùng với tiêu đề |
| **Tên nghề: Thuyền trưởng phương tiện thủy nội địa** |  | Bỏ do trùng với tiêu đề |
| **Số lượng môn học, mô đun đào tạo**: 04. |  | Đưa xuống phần II |
|  | **Đối tượng tuyển sinh:** Theo thông tư số 40/2019/TT-BGTVT và Thông tư số 38/2023/TT-BGTVT; Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH | Bổ sung quy định về đối tượng tuyển sinh theo các văm bản QPPL hiện hành |
| **GCN cấp sau tốt nghiệp:** GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư | **GCN cấp sau tốt nghiệp:** GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư |  |
| I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO | I. MỤC TIÊU, HÌNH THỨC ĐÀO TẠO |  |
| 1. Kiến thức | 1. Kiến thức |  |
| Hiểu các quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện, thuộc các loại báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam; nắm được các quy định về hoạt động của phương tiện tại vùng nước cảng, bến thủy nội địa và trách nhiệm của thuyền trưởng, thuyền phó; hiểu được hệ thống lái, bánh lái, chân vịt và ảnh hưởng tới phương tiện thủy nội địa. | Trình bày các quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện, thuộc các loại báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam; nắm được các quy định về hoạt động của phương tiện tại vùng nước cảng, bến thủy nội địa và trách nhiệm của thuyền trưởng, thuyền phó; trình bày được hệ thống lái, bánh lái, chân vịt và ảnh hưởng tới phương tiện thủy nội địa. |  |
| 2. Kỹ năng | 2. Kỹ năng |  |
| Áp dụng đúng các quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện vào thực tế; hiểu được các đặc tính cơ bản của hàng hóa trong công tác vận chuyển, bảo quản, xếp dỡ, giao nhận hàng hóa; các quy định về vận tải hàng hóa và hành khách; nắm được các quy định an toàn khi làm việc trên tàu và thao tác thuần thục khi trên tàu có sự cố xảy ra nhằm đảm bảo an toàn cho người và phương tiện; áp dụng được những kỹ năng cơ bản về điều động tàu đi trên đường và xử lý một số tình huống có thể xảy ra. | Áp dụng đúng các quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện vào thực tế; áp dụng được các đặc tính cơ bản của hàng hóa trong công tác vận chuyển, bảo quản, xếp dỡ, giao nhận hàng hóa; các quy định về vận tải hàng hóa và hành khách; nắm được các quy định an toàn khi làm việc trên tàu và thao tác thuần thục khi trên tàu có sự cố xảy ra nhằm đảm bảo an toàn cho người và phương tiện; áp dụng được những kỹ năng cơ bản về điều động tàu đi trên đường và xử lý một số tình huống có thể xảy ra. |  |
| 3. Thái độ, đạo đức nghề nghiệp | 3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm |  |
| Có ý thức rèn luyện để nâng cao trình độ nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành đường thủy nội địa; yêu nghề, có ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp, có thói quen lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh phù hợp với phong tục, tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc. | Có ý thức rèn luyện để nâng cao trình độ nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành đường thủy nội địa; yêu nghề, có ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp, có thói quen lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh phù hợp với phong tục, tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc. |  |
| II. THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC | II. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC | Điều chỉnh tên mục phù hợp với nội dung của mục |
| Thời gian của khóa học: 47 giờ, bao gồm: |  | Bỏ do trùng lặp |
| 1. Thời gian các hoạt động chung: 05 giờ. | 1. Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 04 | Đưa từ phần trên xuống cho phù hợp |
| 2. Thời gian học tập: 42 giờ, trong đó: | 2. Thời gian của khóa học: 40 giờ, bao gồm: | Giảm thời gian cho phù hợp với đối tượng đào tạo và nội dung chương trình |
| a) Thời gian thực học: 37 giờ. | a) Thời gian học lý thuyết, thực hành: 36 giờ |  |
| b) Thời gian ôn, kiểm tra kết thúc khóa học: 05 giờ. | b) Thời gian kiểm tra đánh giá kết thúc môn học, mô đun: 04 giờ |  |
| III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO | III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO |  |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Mã**  **MH, MĐ** | **Tên môn học, mô đun** | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | MH 01 | An toàn cơ bản và sơ cứu | 4 | | MH 02 | Pháp luật về giao thông đường thủy nội địa | 9 | | MĐ 03 | Điều động tàu và thực hành điều động tàu | 15 | | MH 04 | Nghiệp vụ thuyền trưởng | 9 | | **Tổng cộng** | | **37** | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Mã**  **MH, MĐ** | **Tên môn học, mô đun** | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | MĐ 01 | An toàn cơ bản và sơ cứu | **4** | | MH 02 | Pháp luật về giao thông đường thủy nội địa | **12** | | MĐ 03 | Điều động phương tiện | **15** | | MH 04 | Nghiệp vụ thuyền trưởng | **9** | | **Tổng cộng** | | **40** | | -Đổi môn học 01 thành mô đun cho phù hợp với nội dung  - Tăng khối lượng học pháp luật để phù hợp với yêu cầu của thuyền trưởng  - Bỏ cụm từ “thực hành điều động phương tiện” để tránh trùng lặp |
| IV. THI KẾT THÚC KHÓA HỌC | IV. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH |  |
|  | 1. Hình thức đào tạo: |  |
|  | - Lý thuyết: Áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp hoặc trực tuyến.  - Thực hành: Áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp hoặc trực tuyến, nhưng số giờ học trực tuyến không vượt quá 30% tổng số thời lượng thực hành trong chương trình.  - Đối với hình thức đào tạo trực tuyến, cơ sở đào tạo phải có đủ cơ sở vật chất đáp ứng và lựa chọn các nội dung phù hợp trong các môn học, mô đun. | Quy định hình thức đào tạo để các cơ sở đào tạo thực hiện, bổ sung quy định về đào tạo trực tuyến nội dung lý thuyết |
| 1. Kiểm tra kết thúc môn học, mô đun: | 2. Kiểm tra kết thúc môn học, mô đun: |  |
| Người học phải học đầy đủ nội dung theo yêu cầu chương trình các môn học, mô đun quy định. Nội dung, hình thức và điều kiện kiểm tra khi kết thúc môn học, mô đun do người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định. Kết quả kiểm tra được đánh giá theo một trong hai mức là đạt yêu cầu và không đạt yêu cầu. | - Nội dung, hình thức, thời gian tổ chức kiểm tra do người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định.  - Điểm tổng kết các môn học, mô đun phải đạt từ 5,0 trở lên mới đủ điều kiện tham gia kiểm tra kết thúc khóa học. | Không quy định thời lượng tham gia môn học do đã có quy định tại khoản 2, Điều 9 Thông tư 40/2019/TT-BGTVT |
| 2. Thi kết thúc khóa học: | 3. Kiểm tra kết thúc khóa học: |  |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Môn thi** | **Hình thức thi** | | 1 | Lý thuyết tổng hợp | Trắc nghiệm | | 2 | Điều động tàu | Thực hành | | Căn cứ kết quả kiểm tra kết thúc môn học, mô đun, học viên được tham dự kỳ thi kết thúc khóa học để được cấp Giấy CNKNCM thuyền trưởng hạng Tư, gồm các nội dung sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Môn kiểm tra** | **Hình thức kiểm tra** | | 1 | Lý thuyết tổng hợp | Trắc nghiệm | | 2 | Điều động tàu | Thực hành | | - Bổ sung điều kiện để được kiểm tra kết thúc khóa học  - Thay “thi” bằng “kiểm tra” theo TT số 5828/VBHN-BLĐTBXH ngày 31/12/1019 |
|  | 4. Hướng dẫn khác: |  |
|  | - Cơ sở đào tạo xây dựng chương trình chi tiết cho từng mô đun đảm bảo nội dung phù hợp; đảm bảo số giờ lý thuyết, số giờ thực hành và số giờ kiểm tra theo đúng quy định.  - Định kỳ hàng năm, nội dung các mô đun trong chương trình phải được rà soát và cập nhật vào chương trình chi tiết cho phù hợp với thực tế. | Quy định cụ thể trách nhiệm của cơ sở đào tạo |
| V. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO |  | Bỏ việc quy định chương trình chi tiết để các cơ sở đào tạo chủ động xây dựng giáo trình, tài liệu, thống nhất với quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 của dự thảo Thông tư. |
| 1. Tên môn học: **AN TOÀN CƠ BẢN VÀ SƠ CỨU** |  |  |
| a) Mã số: MH 01. |  |  |
| b) Thời gian: 04 giờ. |  |  |
| c) Mục tiêu: Giúp người học có khả năng nắm được các quy định an toàn khi làm việc trên tàu và thao tác thuần thục khi trên tàu có sự cố xảy ra nhằm đảm bảo an toàn cho người và phương tiện. |  |  |
| d) Nội dung: |  |  |
| |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Nội dung** | | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | 1 | Chương I: Một số quy định bảo hộ lao động ở Việt Nam | | 0,5 | | 1.1 | Trách nhiệm của người sử dụng lao động của các doanh nghiệp | | | 1.2 | Trách nhiệm của người lao động | | | 1.3 | Quy định an toàn lao động trong ngành giao thông đường thủy nội địa | | | 2 | Chương II: An toàn làm việc trên tàu | | 1 | | 2.1 | An toàn lao động khi lên, xuống tàu | | | 2.2 | An toàn lao động khi làm dây | | | 2.3 | An toàn lao động khi trục tời neo | | | 2.4 | An toàn lao động khi đệm va | | | 3 | Chương III: Phòng chống cháy nổ, cứu sinh, cứu thủng | 1 | | | 3.1 | Phòng chống cháy nổ | | 3.2 | Phương pháp cứu sinh | | 3.3 | Phương pháp cứu thủng | | 4 | Thực hành an toàn cơ bản và sơ cứu | 0,5 | | | Kiểm tra kết thúc môn học | | 1 | | | **Tổng cộng** | | **4** | |   đ) Hướng dẫn thực hiện chương trình môn học: |  |  |
| - Căn cứ vào giáo trình an toàn cơ bản và bảo vệ môi trường, sơ cứu và các tài liệu tham khảo đưa ra nội dung các bài học lý thuyết; |  |  |
| - Tổ chức cho người học huấn luyện thực hành ngay trên các bãi tập của nhà trường, phòng y tế và trên các tàu huấn luyện. |  |  |
| 2. Tên môn học: **PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA** |  |  |
| a) Mã số: MH 02. |  |  |
| b) Thời gian: 09 giờ. |  |  |
| c) Mục tiêu: Giúp người học có khả năng hiểu các quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện; thuộc các loại báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam; nắm được trách nhiệm của thuyền trưởng, thuyền phó; biết các quy định về hoạt động của phương tiện tại vùng nước cảng, bến thủy nội địa. |  |  |
| d) Nội dung: |  |  |
| | **STT** | **Nội dung** | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | --- | --- | --- | | 1 | Chương I: Quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện | 3 | | 1.1 | Quy tắc giao thông | | 1.2 | Tín hiệu của phương tiện giao thông đường thủy nội địa | | 2 | Chương II: Quy tắc báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam | 3 | | 2.1 | Quy định chung | | 2.2 | Những quy định của quy tắc báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam | | 2.3 | Các loại báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam | | 3 | Chương III: Trách nhiệm của thuyền trưởng, thuyền phó | 1 | | 3.1 | Trách nhiệm của thuyền trưởng | | 3.2 | Trách nhiệm của thuyền phó 1 | | 3.3 | Trách nhiệm của thuyền phó 2 | | 4 | Chương IV: Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa | 1 | | 4.1 | Vi phạm quy định về phương tiện thủy nội địa | | 4.2 | Vi phạm quy định về thuyền viên, người lái phương tiện | | 4.3 | Vi phạm quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện | | Kiểm tra kết thúc môn học | | 1 | | **Tổng cộng** | | **9** |   đ) Hướng dẫn thực hiện chương trình môn học: |  |  |
| - Căn cứ vào các văn bản pháp luật về giao thông đường thủy nội địa đưa ra nội dung các bài học lý thuyết; |  |  |
| - Tổ chức cho người học thực hành, quan sát mô hình, các báo hiệu trên sa bàn. |  |  |
| 3. Tên mô đun: **ĐIỀU ĐỘNG TÀU VÀ THỰC HÀNH ĐIỀU ĐỘNG TÀU** |  |  |
| a) Mã số: MĐ 03. |  |  |
| b) Thời gian: 15 giờ. |  |  |
| c) Mục tiêu: Giúp người học có khả năng hiểu được hệ thống lái, bánh lái, chân vịt và ảnh hưởng của nó tới phương tiện thủy nội địa và những kỹ năng cơ bản về điều động tàu đi trên đường và xử lý một số tình huống có thể xảy ra. |  |  |
| d) Nội dung: |  |  |
| | **STT** | **Nội dung** | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | --- | --- | --- | | 1 | Bài 1: Nguyên lý điều động tàu thủy | 2 | | 1.1 | Bánh lái | | 1.2 | Chân vịt | | 1.3 | Quán tính tàu thủy |  | | 1.4 | Vòng quay trở | | 1.5 | Các yếu tố ảnh hưởng đến điều động tàu | | 2 | Bài 2: Kỹ thuật cơ bản về điều động tàu | 12 | | 2.1 | Các dây buộc tàu | | 2.2 | Điều động tàu rời, cập bến | | 2.3 | Điều động tàu đi trên đoạn sông thẳng, sông cong | | 2.4 | Điều động tàu tránh, vượt nhau | | 2.5 | Điều động tàu quay trở khi đang đi nước xuôi, nước ngược | | 2.6 | Điều động tàu vớt người ngã xuống nước khi đang đi nước xuôi, nước ngược | | 2.7 | Điều động tàu khi tàu bị thủng | | 2.8 | Điều động tàu thả, thu neo | | Kiểm tra kết thúc mô đun | | 1 | | **Tổng cộng** | | **15** |   đ) Hướng dẫn thực hiện mô đun: |  |  |
| - Căn cứ vào giáo trình điều động tàu thủy và các tài liệu tham khảo về điều động tàu đưa ra nội dung các bài học lý thuyết; |  |  |
| - Tổ chức cho người học huấn luyện thực hành ngay tại phòng học mô phỏng và trên các tàu huấn luyện. |  |  |
| 4. Tên môn học: **NGHIỆP VỤ THUYỀN TRƯỞNG** |  |  |
| a) Mã số: MH 04. |  |  |
| b) Thời gian: 09 giờ. |  |  |
| c) Mục tiêu: Giúp người học có khả năng nắm được phương pháp quản lý tài sản và sổ sách của tàu, quản lý thuyền viên và giấy tờ, tài liệu pháp lý của tàu, cách ghi nhật ký tàu; lập được kế hoạch chuyến đi và phân công nhiệm vụ trên tàu; ghi chép cẩn thận các sổ sách, giấy tờ cũng như nhật ký của tàu. |  |  |
| d) Nội dung: |  |  |
| | **STT** | **Nội dung** | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | --- | --- | --- | | 1 | **Nhận bàn giao nhiệm vụ dưới tàu và làm quen tàu** | 2 | | 1.1 | Các hạng mục công việc bàn giao | | 1.2 | Thực hiện công việc bàn giao giữa hai thuyền trưởng | | 1.3 | Làm quen với các thành viên trên tàu | | 1.4 | Lối đi lại, lối thoát hiểm | | 1.5 | Buồng lái, buồng máy | | 1.6 | Vị trí lắp đặt trang thiết bị cứu sinh | | 1.7 | Nội quy và chế độ sinh hoạt của tàu | | 2 | **Quản lý thuyền viên và giấy tờ, tài liệu pháp lý của tàu** | 1 | | 2.1 | Tổ chức sinh hoạt và phân công nhiệm vụ | | 2.2 | Quản lý danh sách thuyền viên vắng mặt trên tàu | | 2.3 | Theo dõi tình trạng sức khỏe của thuyền viên | | 2.4 | Yêu cầu bắt buộc đối với các giấy tờ pháp lý của tàu | | 2.5 | Theo dõi thời hạn bằng cấp | | 3 | **Quản lý tài sản và sổ sách của tàu** | 1 | | 3.1 | Tài sản chung của tàu | | 3.2 | Tài sản của tàu phát cho cá nhân sử dụng | | 3.3 | Thực hiện kiểm kê tài sản | | 3.4 | Quản lý, ghi chép các loại nhật ký trên tàu | | 3.5 | Làm báo cáo định kỳ công tác quản lý tài sản trên tàu | | 4 | **Phương pháp ghi nhật ký tàu** | 1 | | 4.1 | Giới thiệu nhật ký tàu | | 4.2 | Phương pháp ghi nhật ký tàu | | 5 | **Lập kế hoạch chuyến đi và phân công nhiệm vụ trên tàu** | 2 | | 5.1 | Lập kế hoạch chuyến đi | | 5.2 | Lập phương án và kế hoạch | | 5.3 | Lên kế hoạch kiểm tra | | 5.4 | Chọn tuyến đường | | 5.5 | Thu thập thông tin về tuyến đường | | 5.6 | Tổ chức họp và phân công nhiệm vụ | | 6 | Công tác cảng vụ | 1 | | Kiểm tra kết thúc môn học | | 1 | | **Tổng cộng** | | **09** |   đ) Hướng dẫn thực hiện chương trình môn học: |  |  |
| - Căn cứ vào các văn bản pháp luật về giao thông đường thủy nội địa đưa ra nội dung các bài học lý thuyết; |  |  |
| - Tổ chức cho người học thực hành thao tác nghiệp vụ thuyền trưởng ngay tại phòng học và trên các tàu huấn luyện. |  |  |